

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Trạch;

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2023/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Bạch Ánh T– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T không được tìm hiểu, do được mai mối nhưng tự nguyện kết hôn, có được hai bên gia đình tổ chức cho

theo phong tục địa phương vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 27/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do anh Hoàng Văn T không tu trí làm ăn, chơi bời dẫn đến vợ chồng thường cãi chửi nhau, đánh nhau, việc mâu thuẫn gia đình hai bên đều nắm được, chị không báo chính quyền địa phương, gia đình hai bên cũng động viên 02 vợ chồng nhưng không cải thiện được tình cảm. Chị và anh Hoàng Văn T đã ngồi nói chuyện với nhau để đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng vẫn không thể cải thiện được tình trạng mâu thuẫn, không thể nói chuyện được với nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được khoảng 06 tháng nay. Anh Hoàng Văn T và chị không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T để chị ổn định cuộc sống, chị đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012. Khi ly hôn chị Chu Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Thị Bích T, yêu cầu anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Thị Bích C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị hiện nay đang làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, đảm bảo nuôi con. Các cháu đều không hợp tác đến Tòa để lấy lời khai do vậy chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cùng ý kiến với nguyên đơn: Chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết. Đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Chu Thị H do chị Chu Thị H là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hoàng Văn T, nhưng anh Hoàng Văn T không cung cấp bản khai cho Tòa án và cũng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Hoàng Văn T được.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Hoàng Thị Bích T ngày 25/12/2023 trình bày: Cháu có nguyện vọng sống cùng chị Chu Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 25/12/2023 với bà Vy Thị H là mẹ đẻ chị Chu Thị H cho biết: Bà không nắm được mâu thuẫn giữa chị Hiền và anh Thụ do chị H và anh T đang đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà. Cháu T đang sống cùng bà và chị H, chị H vẫn gửi tiền về cho bà chăm sóc cháu T, cháu C thì ở trường học, thỉnh thoảng mới về nhà, khi thì về bên này, khi về bên kia. Các cháu vẫn được chăm sóc đảm bảo, thu nhập chị H như thế nào bà không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 25/12/2023 với trưởng thôn K cho biết: Thôn không nắm được mâu thuẫn giữa chị H và anh T do chị H và anh T đang đi làm công ty, trước khi đi làm công ty thì vợ chồng có cãi nhau. Các con chung khi thì ở B khi thì ở K, vẫn thấy được chăm sóc đảm bảo, mẹ đẻ chị H vẫn hỗ trợ chị Hiền chăm sóc các cháu. Chị H có thu nhập như thế nào thôn không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2023 với trưởng thôn B cho biết: Việc chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T mâu thuẫn như nào trưởng thôn không nắm được vì chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T đều đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà. Thu nhập của chị H và anh T thôn cũng không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2024 với bà Vy Thị T là mẹ đẻ anh Hoàng Văn T cho biết: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có mâu thuẫn như nào bà không nắm được do chị H và anh T đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà, bà cũng thấy vợ chồng chị H và anh T tình cảm lạnh nhạt đã lâu. Anh T đã được gia đình thông báo các nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị H, chị H yêu cầu nuôi cháu T và yêu cầu anh T nuôi cháu C, không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nhưng anh T đều không có ý kiến gì. Các con chung của chị H và anh T sống cùng chị H, lâu lâu lại về nhà chơi.

Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2024, lãnh đạo trường PTDT bán trú L cho biết: Em Hoàng Thị Bích C hiện nay đã tự ý bỏ học, không đi học được khoảng 01 tuần nay, nhà trường đã vận động gia đình khuyên bảo em C đi học nhưng đến nay em C vẫn chưa thấy đến trường. Ngoài ra nhà trường không nắm được thông tin gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Chu Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T không cung cấp bản khai nhưng qua bà Vy Thị T thì vợ chồng anh Hoàng Văn T tình cảm đã lạnh nhạt.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Cháu Hoàng Thị Bích T có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Hoàng Thị Bích C các đương sự không đưa đến Tòa án để lấy lời khai, Tòa án tiến hành xác minh nhưng cháu Hoàng Thị Bích C không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để tham khảo nguyện vọng của cháu được, thông qua tài liệu chứng cứ thể hiện khi thì cháu sống cùng chị Chu Thị H tại nhà mẹ đẻ của chị Chu Thị H, khi thì sống cùng anh Hoàng Văn T, khi thì sống tại trường học. Chị Chu Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Bích T, yêu cầu anh Hoàng Văn T Thụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Bích C. Anh Hoàng Văn T đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không có ý kiến gì, do vậy xác định anh Hoàng Văn T mặc nhiên thừa nhận yêu cầu của chị Chu Thị H về vấn đề con chung. Mặt khác chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T có 02 con chung, chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T cùng làm công ty, phải nhờ bố mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc con, chị Chu Thị H hiện nay đang sống cùng mẹ đẻ cũng chưa có chỗ ở ổn định, do vậy xét về điều kiện, hoàn cảnh của hai bên thì yêu cầu của chị Chu Thị H mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 01 con chung như trên cũng đảm bảo điều kiện con chung được chăm sóc toàn diện, đảm bảo hơn và có căn cứ. Do vậy đề nghị giao con chung cho là cháu cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa yêu cầu. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Chu Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Chu Thị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Văn T, cư trú tại thôn Bản Chanh, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 27/5/2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Hoàng Văn T không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 và Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012. Cháu Hoàng Thị Bích T có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Hoàng Thị Bích C các đương sự không đưa đến Tòa án để lấy lời khai, Tòa án tiến hành xác minh nhưng cháu Hoàng Thị Bích C không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để tham khảo nguyện vọng của cháu được, thông qua tài liệu chứng cứ thể hiện khi thì cháu sống cùng chị Chu Thị H tại nhà mẹ đẻ của chị Chu Thị H, khi thì sống cùng anh Hoàng Văn T, khi thì sống tại trường học. Chị Chu Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Bích T, yêu cầu anh Hoàng Văn T thụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Bích C. Anh Hoàng Văn T đã được thông báo, tổng đạt hợp

lệ các văn bản tổ tụng nhưng không hợp tác, không có ý kiến gì, do vậy xác định anh Hoàng Văn T mặc nhiên thừa nhận yêu cầu của chị Chu Thị H về vấn đề con chung. Mặt khác chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T có 02 con chung, chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T cùng làm công ty, phải nhờ bố mẹ để hỗ trợ chăm sóc con, chị Chu Thị H hiện nay đang sống cùng mẹ để cũng chưa có chỗ ở ổn định, do vậy xét về điều kiện, hoàn cảnh của hai bên thì yêu cầu của chị Chu Thị H mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 01 con chung như trên là có căn cứ và cũng đảm bảo điều kiện con chung được chăm sóc toàn diện và đảm bảo hơn. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho là cháu cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa yêu cầu. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc các bên thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chu Thị H và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 27/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Bích C, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai